TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 194 /2022/DSST
Ngày 08- 08 -2022
V/v hợp đồng góp hụi và
Vay tài sản;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,TỈNH CÀ MAU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các hội thẩm Nhân Dân:

Ông: Nguyễn Trường Hận

Bà: Lưu Xông Pha

Thư ký phiên Toà : Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2022 ngày 27/05/2022 về việc " hợp đồng góp hụi và vay tài sản", theo Quyết định đưa ra xét xử số 153/2022, ngày 04.07.2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Đặng Thị Thùy H (Kiều L) – sinh năm 1962

Địa chỉ: khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn* : Lưu Thúy H – năm 1976

Nguyễn Hùng M – sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiệnn ngày 17.05.2022 và lời trình bày của nguyên đơn tại tại hồ sơ thể hiện như sau:

Vào ngày 25.12.2019, chị Nguyễn Thị Q ở khóm 1 thị trấn Sông Đốc có mở dây hụi 10.000.000 đồng, gồm có 35 chưng, tôi tham gia 2 chưng, bà H và ông M tham gia 2 chưng. Đến ngày 25.02.2020, ông M và bà H kêu tôi bán 1 chưng hụi bằng số tiền là 243.350.000 đồng; Ngày 25.3.2020 ông M và bà H tiếp tục kêu tôi bán 1 chưng hụi bằng số tiền là 241.600.000 đồng, 2 chưng hụi này

tôi đã giao đủ tiền cho ông M và bà H (có biên nhận). Từ khi mua 2 chưng hụi này ông M và bà H không đóng hụi chết cho tôi theo thỏa thuận ban đầu, tôi đã xuất tiền ra đóng cho chủ hụi.

Vào ngày 8/12/2019 tôi chơi dùm cho bà H và ông M 1 chưng hụi loại hụi 10.000.000 đồng. Tôi hốt lần đầu với số tiền là 285.700.000 đồng, giao tiền cho ông M và bà H (có làm biên nhận).

Ngoài ra vào năm 2018 tôi có cho anh M và chị H mượn nhiều lần với số tiền là 450.000.000 đồng, đến nay chị H và anh M cũng không trả cho tôi (các lần mượn có làm biên nhận).

Nay tôi yêu cầu chị H và anh M trả lại tiền hụi tôi xuất ra mua hụi và hụi chơi dùm tiền góc là 770.650.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 25.3.2020 đến ngày 25.5.2022, là 26 tháng mỗi tháng là 1,66% = 332.612.540 đồng, nhưng tôi chỉ yêu cầu ông M và bà H trả cho tôi phần lãi là 294.000.000 đồng, theo yêu cầu bàn đầu. Như vây tôi yêu cầu ông M và bà H trả tổng các khoản là 1.514.650.000 đồng. Đối với tiền cho mượn tôi không yêu cầu tính lãi.

Đối với Bị đơn bà Lưu Thúy H và ông Nguyễn Hùng M:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần để hòa giải và để xét xử nhưng bị đơn điều vắng mặt không rỏ ly do, nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền Toà án* : Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại huyện Trần Văn Thời, bà H khởi kiện bị đơn việc Hợp đồng góp hụi và cho vay, nên Toà án Nhân dân huyện Trần Văn Thời, thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều Điều 26 và 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quyền khởi kiện*: Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn, bị bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại điều 186 BLTTDS.

[3] *Xét về trình tự thủ tục*: Đối với bị đơn bà Lưu Thúy H và ông Nguyễn Hùng M Tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử nhưng bị đơn bà H và ông M điều vắng mặt không rỏ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4]. *Xét về điều luật áp dụng*: Việc giao dịch này sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu luật nên áp dụng Bộ luật hiện hành để giải quyết và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 688 Bội luật dân sự năm 2015.

[5] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà H cho rằng có chơi dùm 1 chưng hụi và mua 2 chưng hụi của bị đơn và cho bị đơn mượn tiền, hiện tại bị đơn còn thiếu tiền, chưa trả nên khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền trên, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “hợp đồng góp hụi và cho vay tai sản ” theo

quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[6] *Về nội dung khởi kiện:*

Vào ngày 25.12.2019, chị Nguyễn Thị Quyên ở khóm 1 thị trấn Sông Đốc có mở dây hụi 10.000.000 đồng, gồm có 35 chưng, bà H và ông M tham gia 2 chưng. Đến ngày 25.02.2020, ông M và bà H kêu bà H bán 1 chưng hụi bằng số tiền là 243.350.000 đồng; Ngày 25.3.2020 ông M và bà H tiếp tục kêu bà H bán 1 chưng hụi bằng số tiền là 241.600.000 đồng, 2 chưng hụi này bà H đã giao đủ tiền cho ông M và bà H (có biên nhận). Từ khi mua 2 chưng hụi này ông M và bà H không đóng hụi chết cho bà H theo thỏa thuận ban đầu, bà H đã xuất tiền ra đóng cho chủ hụi.

Vào ngày 8/12/2019 bà H chơi dùm cho bà H và ông M 1 chưng hụi loại hụi 10.000.000 đồng. Khi vô bà H và ông M hốt lần đầu với số tiền là 285.700.000 đồng, giao tiền cho ông M và bà H (có làm biên nhận). Sau khi hốt hụi bà H và ông M củng không đóng hụi chết.

Tổng số tiền hụi là 770.650.000 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền trên vì nguyên đơn đã xuất ra đưa cho bị đơn và yêu cầu tính lãi từ ngày 25.03.2020 đến ngày 25.5.2022 là 26 tháng mỗi tháng là 1,66 %. = 332.612.540 đồng. Nhưng chỉ lấy 294.000.000 đồng theo yêu cầu ban đầu.

Ngoài ra từ năm 2018 nguyên đơn có cho bị đơn mượn nhiều lần với số tiền là 450.000.000 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền trên , không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để hòa giải và để xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tuy nhiên tại hồ sơ có các biên nhận của bà H và ông M có ký nhận tiền hụi từ bà H và Tòa án đã triệu tập ông M và bà H để hòa giải, ông M và bà H nhận được thông báo thụ lý và biết được nguyên đơn bà H khởi kiện ông M và bà H về việc thiếu tiền hụi và tiền vay đến nay chưa trả, nhưng ông M bà H không có ý kiến về việc bà H khởi kiện. Như vậy xác định bị đơn mặc nhiên đã thừa nhận số nợ trên.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn có bỏ tiền ra mua 2 chưng hụi của bị đơn và vô dùm 1 chưng hụi là có thật bởi khi bị nhận tiền bị đơn có làm biên nhận cho nguyên đơn. Từ khi bỏ tiền ra mua 2 chưng hụi và chơi dùm 1 chưng hụi đến nay bị đơn không đóng hụi chết mà nguyên đơn đã xuất ra đóng hụi chết cho bị đơn, do đó cần buộc bị đơn trả lại tiền góc mà nguyên đơn đã xuất ra đưa cho bị đơn với số tiền là 770.650.000 đồng là phù hợp với Điều 471 BLDS.

Đối với việc yêu cầu tính lãi, xét thấy từ khi nguyên đơn bỏ tiền ra mua 2 chưng hụi và vô dùm cho bị đơn 1 chưng hụi đến nay bị đơn không đóng hụi chết cho nguyên đơn, do đó việc yêu cầu tính lãi theo mức lãi 20%/ năm là phù hợp Điều 21 Nghị Định 19/NĐ - CP và Điều 468 BLDS.

Từ những căn trên xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên

đơn bà Đặng Thị Thùy H, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Thùy H, tiền vay là 450.000.000 đồng; số tiền hụi là 770.650.000 đồng và lãi là 294.000.000 đồng là phù hợp với Điều, 463, Điều 468, Điều 471 BLDS và Điều 17, Điều 18, Điều 21, 24, Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Xét về án phí sơ thẩm có giá ngạch bà H và ông M phải chịu theo quy định tại Điều 12, Nghị Quết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạn ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án và Điều 147 BLTTDS. Đối với bà H yêu cầu được chấp nhận nên không phải chịu án phí có giá ngạch, bà Thúy nộp án phí trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 BLTTDS, áp dụng Điều 463, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự. và Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 24, Điều 25 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 12 Nghị Quết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án , tạn ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Thùy H (Kiều L).

Buộc bị đơn bà Lưu Thúy H và ông Nguyễn Hùng M có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Thùy H, tổng số tiền là 1.514.650.000 đồng (một tỷ năm trăm mười bốn triệu sáu trăm năm chục ngàn).Trong đó có 294.000.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí sơ thẩm dân sự giá ngạch bị đơn phải nộp là 57.439.500 đồng. Bà H được hoàn lại án phí đã dự nộp trước là 29.341.000 đồng theo biên lai thu số 0004875 ngày 27/05/2022.

Nguyên đơn bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn bà H và ông M có quyền kháng án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thanh Nhung